

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2017/HNGĐ-ST.
Ngày 03/10/2017
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Lý.

Ông Nguyễn Thành Dân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Luyến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 93/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017; về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2017, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trương L P, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã TT, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Trần V T, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã TT, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2017, quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trương L P trình bày: Tôi và ông T cưới nhau năm 1989 không đăng ký kết hôn đến năm 1990 sinh được người con là Trương L T được khoảng vài tháng thì ông T bỏ đi và 07 năm sau, ông T quay về yêu cầu đoàn tụ nên tôi đồng ý và sống chung đến trước khi làm đơn khởi kiện ra Tòa. Giữa tôi và ông T chưa từng đăng ký kết hôn, cuộc sống không hạnh phúc do ông T không lo làm mà mọi sinh hoạt và nuôi con đều do tôi gánh vác, ông T thường đánh đập nên vào khoảng tháng 4/2017 tôi đi nơi khác làm thuê và trong thời gian đi làm thuê, ông T nhiều lần điện thoại xúc phạm danh dự nên buộc lòng tôi về yêu cầu

chính quyền giải quyết ly hôn nhưng khi ở địa phương hòa giải, ông T chửi bới và không đồng ý ký tên rồi bỏ về. Do đó, tôi khởi kiện ra Tòa yêu cầu Tòa không công nhận mối quan hệ giữa tôi và ông T là vợ chồng, con chung Trần P C còn nhỏ hiện do tôi chăm sóc và tôi yêu cầu được nuôi cháu, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, các vấn đề liên quan đến tài sản và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn Trần V T vắng mặt, Tòa án không ghi được lời trình bày và đương sự không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, đảm bảo đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ tại tòa.

- Về nội dung: Lời trình bày của nguyên đơn về việc không đăng ký kết hôn, phù hợp kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của ông T và bà P là các đương sự không đăng ký kết hôn nên đủ cơ sở xác định mối quan hệ giữa bà P và ông T chung sống như vợ chồng nên yêu cầu của nguyên đơn P về tuyên không công nhận vợ, chồng là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung tên Trần P C hiện đang sống với mẹ, cháu sinh ngày 06/11/2005 đến nay đã trên 07 tuổi và cháu có yêu cầu sống chung với mẹ (bl 40) nên cần xem xét nguyện vọng của cháu là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 25; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay Trần V T vắng mặt không lý do và đây là phiên tòa lần 2, đương sự được triệu tập hợp lệ hai lần (*niêm yết tại nơi cư trú, Ủy ban nhân dân xã TT và trụ sở Tòa án*) nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu công nhận mối quan hệ giữa bà và ông T không phải là vợ, chồng và yêu cầu nuôi con chung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo nguyên đơn, mối quan hệ giữa bà và ông T được xác lập năm 1989, không đăng ký kết hôn là phù hợp kết quả trả lời của Ủy ban nhân dân PL về việc các đương sự không đăng ký kết hôn trong thời gian thường trú tại địa phương từ năm 1999- 2003 (bút lục 57) và Công văn số 2

71/UBND-VP ngày 01/9/2017 của Ủy ban nhân dân xã TT về việc các đương sự không có tên trong sổ hộ tịch việc đăng ký kết hôn từ năm 2000 đến nay (bút lục 59).

Từ căn cứ trên cho thấy bà P và ông T không tiến hành đăng ký kết hôn lại theo hướng dẫn tại điểm b Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình 2000. Do đó, theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử nhận thấy mối quan hệ của bà P và ông T là nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] *Về con chung*: Bà P yêu cầu nuôi con chung tên Trần P C, sinh ngày 06/11/2005 và Trần P C có nguyện vọng sống chung với mẹ (bl 40) nên cần chấp nhận yêu cầu của bà P là đảm bảo nguyện vọng của cháu theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Về án phí*: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình nên nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 14; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa nguyên đơn Trương L P và bị đơn Trần V T là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung tên Trần P C, sinh ngày 06/11/2005 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

Về án phí: Bà Trương L P phải chịu tiền án phí dân sự trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0006008 ngày 18/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh Sóc Trăng, bà P đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kháng cáo kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Thị Thanh Mai